

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC VII

Phụ lục số 01/THDS

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH, XỬ LÝ KHÁC ĐẾN 31/12/2022

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng cộng (1+2+...)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.735.516.377.844	274.955.417.799	2.340.171.000	363.810.911.242	189.137.155.280	61.778.569.451	1.843.494.153.072	
I	Niên độ 2020								
1	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.642.948.832	1.613.499.606		1.554.663.300	12.164.399.394		310.386.532	
1.1	Cục Thuế								
1.1.1	Công ty CP ĐTTM Hưng Long								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.153.151.538	1.153.151.538						
1.1.2	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư công nghệ Sơn Thủy								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.082.900	2.082.900						
1.1.3	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Linh tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.794.900	1.794.900						
1.2	CÁC ĐƠN VỊ DO CHI CỤC THUẾ HUYỆN ĐIỆN BIÊN QUẢN LÝ								
1.2.1	Công ty TNHH Đầu tư – xây dựng & Thương mại Tùng Lâm								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.650.000	9.650.000						
1.3	CÁC ĐƠN VỊ DO CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TUẦN GIÁO - TỬA CHÙA QUẢN LÝ								
1.3.1	Công ty TNHH Tân Cương tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.138.741	10.138.741						
1.4	SỞ TÀI CHÍNH								
1.4.1	Công ty CP Đầu tư thủy điện Anpha								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	436.681.527	436.681.527						
1.4.2	Sở tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.483.641.311				1.483.641.311			
1.5	UBND tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.057.488.800			1.057.488.800				
1.6	UBND huyện Mường Nhé								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	943.639.720			497.174.500	446.465.220			
1.7	UBND huyện Tuần Giáo								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	466.087.208			0	439.000.676		27.086.532	
1.8	UBND TP Điện Biên Phủ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.408.493.619				4.125.193.619		283.300.000	
1.9	Ban QLDA các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	583.268.379				583.268.379			
1.10	Ban QLDA các công trình NN&PTNT tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	569.960.046				569.960.046			
1.11	Văn phòng UBND tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	560.131.395				560.131.395			
1.12	UBND huyện Mường Ảng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.956.514.656				3.956.514.656			
1.13	UBND huyện Nậm Pồ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	224.092				224.092			

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lào Cai; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	109.257.511.874	0		538.252.700	5.168.026.174		103.551.233.000	
2.1	UBND Thị xã Sa Pa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	835.307.700			538.252.700	297.055.000			
2.2	UBND huyện Bảo Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	12.495.833.812				1.258.421.812		11.237.412.000	
2.3	UBND huyện Bảo Thắng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	397.395.000				397.395.000			
2.4	UBND huyện Văn Bàn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.558.977.852				992.977.852		1.566.000.000	
2.5	UBND huyện Mường Khương								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	728.172.919				728.172.919			
2.6	Sở Giao thông vận tải - xây dựng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	231.661.999				231.661.999			
2.7	Ban QLDA ODA tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	135.440.290				135.440.290			
2.8	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	286.719.536				286.719.536			
2.9	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	198.014.260				198.014.260			
2.10	UBND huyện Bắc Hà								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	642.167.505				642.167.505			
2.11	Sở Tài chính (Quỹ phát triển đất)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	90.747.821.000				0		90.747.821.000	
3	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Phú Thọ; chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	74.479.613.313	3.180.187.480		1.945.213.675	39.743.718.124		29.610.494.034	
3.1	Công ty TNHH mộc xây dựng Thanh Bình								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.509.091	5.509.091						
3.2	Công ty TNHH Xây dựng Châu Phong								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	488.959.692	488.959.692						
3.3	Công ty cổ phần khoáng sản Tây Bắc								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.279.127	5.279.127						
3.4	Công ty cổ phần Xây dựng Đức Anh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	66.781.671	66.781.671						
3.5	Công ty TNHH Hải Linh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.828.000	6.828.000						
3.6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Á Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	38.141.950	38.141.950						
3.7	Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ số 1 Tuấn Tú								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.445.455	10.445.455						
3.8	Công ty TNHH Cương Linh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.800.000	6.800.000						
3.9	Công ty TNHH MTV Tuấn Huy								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.235.404.055	213.525.909					4.021.878.146	
3.10	Công ty TNHH Đầu tư và Vận tải An Phú Thịnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	46.645.455	46.645.455						
3.11	Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Phú Anh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	50.909.545	50.909.545						

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu- ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3.12	Doanh nghiệp Tư nhân Long Dương								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.818.182	11.818.182						
3.13	Công ty TNHH MTV Thương mại Hương Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	73.834.717	73.834.717						
3.14	Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại Hải Đăng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	200.000	200.000						
3.15	Công ty TNHH Thạch Xuân								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	42.778.155	42.778.155						
3.16	Công ty cổ phần ATA Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	641.954.925	641.954.925						
3.17	Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Hoàng Phát								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	13.680.000	13.680.000						
3.18	Công ty cổ phần Ao Vua - Chi nhánh du lịch Đảo Ngọc Xanh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.456.600	21.456.600						
3.19	Công ty TNHH HBLP								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	143.806.301	143.806.301						
3.20	Công ty cổ phần Khoáng sản Hùng Vương								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	342.206.297	342.206.297						
3.21	Công ty TNHH Hoàng Bình Minh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.946.568	21.946.568						
3.22	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển khoáng sản Phú Đức								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	42.874.000	42.874.000						
3.23	Công ty cổ phần Xây dựng Khánh Tài								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	115.255.800	115.255.800						
3.24	Công ty cổ phần gạch Thanh Uyên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	600.000	600.000						
3.25	Công ty cổ phần Xây dựng Tài Chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.140.000	3.140.000						
3.26	Công ty cổ phần Thống Nhất								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.000.000	11.000.000						
3.27	Công ty cổ phần Hoàng Già								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.938.000	3.938.000						
3.28	Công ty TNHH Xây dựng Phú Linh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	48.130.500	48.130.500						
3.29	Công ty TNHH Vận tải Chiến Linh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	107.573.400	107.573.400						
3.30	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Long								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	19.978.200	19.978.200						
3.31	Công ty TNHH MTV Thành Luân								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	80.008.500	80.008.500						
3.32	Công ty TNHH MTV Quý Hạnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	108.433.380	108.433.380						
3.33	Công ty cổ phần Xây dựng và Du lịch Hải Lợi								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	109.725.000	109.725.000						
3.34	Doanh nghiệp tư nhân Hương Tuấn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	126.843.668	126.843.668						
3.35	Công ty TNHH Tuấn Hường Phú Thọ								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	144.724.140	144.724.140						
3.36	Trung tâm Hội nghị tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.965.253	1.965.253						
3.37	Công ty TNHH Xây Dựng Gia Thịnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.490.000	2.490.000						
3.38	Công ty TNHH MTV Thương mại Hải Hằng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	82.400.000						82.400.000	
3.39	Công ty TNHH Yên Long								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	489.090.091						489.090.091	
3.40	Doanh nghiệp tư nhân Long Dương								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	159.481.818						159.481.818	
3.41	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	33.385.098.300			1.003.000	33.384.095.300		-	
3.42	UBND TP Việt Trì								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.483.600.086			1.809.966.795	553.083.291		23.120.550.000	
3.43	UBND huyện Thanh Ba								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.602.724.606			4.000.000	919.724.606		1.679.000.000	
3.44	UBND huyện Thanh Sơn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	36.022.880			27.726.880	8.296.000			
3.45	UBND huyện Cẩm Khê								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	106.195.000			102.517.000			3.678.000	
3.46	UBND huyện Hạ Hòa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	150.805.301				150.805.301			
3.47	Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	85.101.577				85.101.577			
3.48	Sở Giao thông vận tải								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.890.040.152				2.890.040.152			
3.49	Ban QLDA đầu tư xây dựng Đền Hùng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.752.571.897				1.752.571.897			
3.50	Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	27.963.398						27.963.398	
3.51	Công ty TNHH Tây Bắc PT								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.205.860						9.205.860	
3.52	Công ty TNHH MTV Tân Phú - Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.487.126						1.487.126	
3.53	Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Thăng Nguyệt								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.581.813						9.581.813	
3.54	Công ty TNHH MTV Thương mại Hương Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.177.782						6.177.782	
4	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	191.672.051.925	1.924.563.985		163.419.356.811	9.699.765.456		16.628.365.673	
4.1	Công ty Cổ phần NTF Hoàng Phát								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.009.099.037	1.009.099.037						
4.2	Công ty TNHH MTV 2699								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	268.560.360	268.560.360						
4.3	Công ty Cổ phần Quỳnh Ngọc								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	79.434.270	79.434.270						

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.4	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Hùng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.180.146	25.180.146						
4.5	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tiền Anh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	136.211.220	136.211.220						
4.6	Công ty TNHH kinh doanh Tổng Hợp								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	31.635.360	31.635.360						
4.7	Công ty Cổ phần Việt Dũng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	56.549.340	56.549.340						
4.8	Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Giang								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	14.045.400	14.045.400						
4.9	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	754.920	754.920						
4.10	Công ty TNHH Soricom								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	115.288.952	115.288.952						
4.11	Công ty TNHH MTV Hồng Kông Sơn La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	79.380.000	79.380.000						
4.12	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng 568								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	51.540.300	51.540.300						
4.13	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Quang Dương Tây Bắc								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	56.884.680	56.884.680						
4.14	UBND huyện Mường La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	58.640.000	0		58.640.000				
4.15	UBND huyện Vân Hồ	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	390.022.340	0		390.022.340				
4.16	UBND huyện Phù Yên	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	83.444.100	0		83.444.100				
4.17	UBND tỉnh Sơn La	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	162.887.250.371	0		162.887.250.371				
4.18	Sở Tài chính	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.660.303.000	0			7.660.303.000			
4.19	UBND huyện Thuận Châu	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	222.938.169	0			222.938.169			
4.20	Sở Công thương	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.775.825.267	0			420.930.281		2.354.894.986	
4.21	UBND huyện Sông Mã	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.306.385.259	0			1.395.594.006		3.910.791.253	
4.22	KBNN Sơn La	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.590.027.433	0					4.590.027.433	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiểm nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.23	Quỹ phát triển đất	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.868.652.000	0					3.868.652.000	
4.24	Ban QLDA di dân tái định cư thủy điện Sơn La	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.904.000.000	0					1.904.000.000	
5	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Yên Bái; chuyên đề việc quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.981.515.362	57.680.226		52.585.000	1.329.763.236		7.541.486.900	
5.1	Công ty CP TM&XD Duy Bảo								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	39.540.526	39.540.526						
5.2	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.285.000			8.285.000				
5.3	Trung tâm Hỗ trợ phụ nữ YB								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	44.300.000			44.300.000				
5.4	UBND huyện Trấn Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	527.716.712				527.716.712			
5.5	UBND huyện Văn Chấn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	162.453.700	18.139.700			28.916.000		115.398.000	
5.6	UBND huyện Lục Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	389.941.069				389.941.069			
5.7	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	383.189.456				383.189.456			
5.8	Quỹ phát triển đất								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.013.550.900						1.013.550.900	
5.9	KBNN Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.412.538.000						6.412.538.000	
6	Kiểm toán tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	14.040.286.097	4.876.160		10.898.541.361	2.704.996.576		431.872.000	
6.1	Công ty TNHH HM66								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.876.160	4.876.160						
6.2	UBND huyện Tân Uyên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.845.168.911			1.362.502.100	482.666.811			
6.3	UBND huyện Mường Tè								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.070.308.483			262.400.000	1.427.888.483		380.020.000	
6.4	UBND huyện Tam Đường								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.934.911.482			3.934.911.482				
6.5	UBND huyện Sìn Hồ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.281.727.779			4.281.727.779				
6.6	UBND huyện Phong Thổ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	723.032.000				671.180.000		51.852.000	
6.7	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	122.383.282				122.383.282			
6.8	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	878.000				878.000			
6.9	UBND tỉnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.057.000.000			1.057.000.000				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
II	Niên độ 2019								
1	Kiểm toán chuyên đề Công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tỉnh Điện Biên năm 2019								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.190.602.099	0		0	364.932.886		1.825.669.213	
1.1	UBND huyện Nậm Pồ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	497.368.175				182.015.962		315.352.213	
1.2	UBND huyện Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	533.972.924				182.916.924		351.056.000	
1.3	UBND thành phố Điện Biên Phủ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	189.066.000						189.066.000	
1.4	UBND huyện Mường Nhé								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	970.195.000						970.195.000	
2	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	946.397.581	0		0	946.397.581		0	
2.1	UBND TP Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	888.035.797				888.035.797			
2.2	UBND huyện Tam Đường								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	58.361.784				58.361.784			
3	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	146.446.276.646	2.028.065.063		0	6.883.384.646		137.534.826.937	
3.1	Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Xây								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	249.387.600	249.387.600						
3.2	Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại tổng hợp Đức Hiệp								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	72.000.000	72.000.000						
3.3	Công ty TNHH Thịnh Phú								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.495.541.464	1.495.541.464						
3.4	Công ty TNHH TM tổng hợp Thái Bảo								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	131.072.000	131.072.000						
3.5	Công ty TNHH Thương Mại và XNK Đại Minh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	80.064.000	80.064.000						
3.6	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.299.456.431				1.299.456.431			
3.7	Ban QLDA ODA tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	633.217.794				633.217.794			
3.8	Thành phố Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	565.017.567				565.017.567			
3.9	Huyện Bát Xát								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	908.179.697				148.179.697		760.000.000	
3.10	Huyện Bảo Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	14.932.444.231				3.437.649.294		11.494.794.937	
3.11	Huyện Si Ma Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	799.863.863				799.863.863			
3.12	Quỹ phát triển đất								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	125.280.032.000						125.280.032.000	
4	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	77.532.492.422	0		654.325.500	4.014.599.814		72.863.567.108	
4.1	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	47.640.835.801			0			47.640.835.801	
4.2	UBND Thị xã Phú Thọ								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	199.308.144			29.586.000	169.722.144			
4.3	UBND Huyện Lâm Thao								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.406.036.000			542.230.500	32.154.500		1.831.651.000	
4.4	UBND Huyện Hạ Hòa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.349.717.210			82.509.000	850.768.210		416.440.000	
4.5	UBND TP Việt Trì								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	24.649.251.230				1.847.662.923		22.801.588.307	
4.6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.114.292.037				1.114.292.037			
4.7	Huyện Phù Ninh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	173.052.000						173.052.000	
5	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	13.102.358.398	0		2.773.600.000	96.009.798		10.232.748.600	
5.1	Sở Tài chính tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.773.600.000			2.773.600.000				
5.2	Quỹ phát triển đất								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.232.748.600						10.232.748.600	
5.3	UBND huyện Mù Cang Chải								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	53.815.000				53.815.000			
5.4	UBND huyện Lục Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	42.194.798				42.194.798			
6	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.268.746.322	0		0	11.268.746.322		0	
6.1	Tại Ban QLDA ĐTXD các công trình DD, CN&PT Đô thị tỉnh Sơn La	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.268.746.322				11.268.746.322			
III	Niên độ 2018								
1	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB năm 2018 của tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.549.358.232	0		0	181.913.546		1.367.444.686	
1.1	UBND huyện Mường Ảng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.672.000				4.672.000			
1.2	UBND huyện Mường Nhé								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.253.198.238				177.241.546		1.075.956.692	
1.3	Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	264.962.030						264.962.030	
1.4	UBND thành phố Điện Biên Phủ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	26.525.964						26.525.964	
2	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB năm 2018 của tỉnh Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.094.902.465	0		0	6.469.133.380		625.769.085	
2.1	Ban QL công trình dự án PTKTXH huyện Mường Tè								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.094.902.465				6.469.133.380		625.769.085	
3	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB năm 2018 của tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.317.297.139	0		0	2.694.957.952		622.339.187	
3.1	Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	829.546.316				829.546.316			

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3.2	UBND huyện Yên Bình								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	799.607.864				799.607.864			
3.3	UBND huyện Văn Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.688.142.958				1.065.803.771		622.339.187	
4	Kiểm toán chuyên đề quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa của các DNNN đã cổ phần hóa giai đoạn 2011-2017 tại tỉnh Yên Bái, Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	741.145.600	741.145.600		0	0		0	
4.1	Công ty CP Du lịch - Dịch vụ - Thương mại Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	741.145.600	741.145.600						
5	Kiểm toán chuyên đề việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất đối với các tổ chức kinh tế và hoạt động xây dựng các dự án đầu tư khu đô thị giai đoạn 2014- 20								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.376.706.094	9.450.000		0	3.277.983.031		89.273.063	
5.1	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.450.000	9.450.000						
5.2	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	352.573.007				352.573.007			
5.3	Trung tâm phát triển quỹ đất								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.014.683.087			0	2.925.410.024	0	89.273.063	
6	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý vốn đầu tư của các dự án do Ban QLDA ĐTXD thành phố Sơn La làm chủ đầu tư								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	39.558.104	0		0	39.558.104		0	
6.1	Ban QLDA ĐTXD thành phố Sơn La làm chủ đầu tư								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	39.558.104		0	0	39.558.104	0		
7	Kiểm toán NSDP năm 2018 của tỉnh Hà Giang; đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Hà Giang								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	42.456.528.397	38.483.401.296		0	155.900.001		3.817.227.100	
7.1	Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	38.483.401.296	38.483.401.296						
7.2	UBND huyện Xín Mần								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	146.785.052	0		0	146.785.052			
7.3	UBND huyện Bắc Quang								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.114.950	0		0	9.114.950			
7.4	UBND tỉnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.817.227.100						3.817.227.100	
8	Kiểm toán NSDP tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	197.400.037.171	2.755.478.762		149.067.199.326	31.174.421.776		14.402.937.307	
8.1	Công ty CP xây dựng Hoàng Thắng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.063.935	4.063.935						
8.2	Trung tâm Phát triển và Dịch vụ khu công nghiệp								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.571.114.995	1.571.114.995						
8.3	Công ty CP xây dựng thương mại Hải Đăng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	592.709.908	592.709.908						
8.4	Thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	50.218.560	50.218.560						
8.5	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	537.371.364	537.371.364						
8.6	Bộ Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	143.919.334.326			143.919.334.326				
8.7	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.940.993.000			4.533.865.000			3.407.128.000	

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9.10	Trường THPT Tân Lang								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)							795.400	
9.11	UBND tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)				4.389.933.869				
9.12	UBND huyện Phù Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)					601.972.874			
9.13	UBND huyện Mường La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)					1.830.718.659			
9.14	UBND huyện Bắc Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)					11.895.563.373			
9.15	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)					185.296.711			
IV	Niên độ 2017								
1	Đoàn kiểm toán các hạng mục, dự án được đầu tư bằng nguồn vốn dư sau quyết toán Dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La, tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.889.102.701	0		0	0		5.889.102.701	
1.1	UBND tỉnh Sơn La	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.250.903.646						5.250.903.646	
1.2	UBND huyện Mai Sơn	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	39.073.221						39.073.221	
1.3	UBND huyện Yên Châu	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	467.206.950						467.206.950	
1.4	UBND thành phố Sơn La	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	68.595.060						68.595.060	
1.5	UBND huyện Mộc Châu	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	28.459.748						28.459.748	
1.6	UBND huyện Sông Mã	0							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	34.864.079						34.864.079	
2	Đoàn kiểm toán chuyên đề công tác mua sắm, quản lý, sử dụng thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế và hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ngành y tế giai đoạn 2014-2016								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	64.627.895	0		0	64.627.895		0	
2.1	BQLDA Sở Y tế tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	64.627.895				64.627.895			
3	Đoàn kiểm toán chuyên đề công tác mua sắm, quản lý, sử dụng thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế và hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ngành y tế giai đoạn 2014-2016								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.556.876.650	0		0	11.556.876.650			
3.1	Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái - Dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.556.876.650				11.556.876.650			
4	Đoàn kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách năm 2017 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	90.375.297	0		0	90.375.297			
4.1	Ban QLDA thành phố Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)					90.375.297			
5	Đoàn kiểm toán NSDP tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	112.398.508.459	234.342.527		6.070.000	4.170.798.169		107.987.297.763	
5.1	Đơn vị do CCT huyện Tòa Chùa quản lý								
5.1.1	Công ty TNHH Bảo An tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	234.342.527	234.342.527						
5.2	Sở Nông nghiệp và PTNT								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu- ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	96.070.000			6.070.000			90.000.000	
5.3	Ban QLDA các công trình dân dụng và CN tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	730.339.895				730.339.895			
5.4	Ban QLDA các công trình huyện Tuần Giáo								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.240.653.000				2.240.653.000			
5.5	Phòng Giáo dục huyện Tủa Chùa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	589.732.938				589.732.938			
5.6	Ban QLDA các công trình huyện Tủa Chùa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	610.072.336				610.072.336			
5.7	Bộ tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	82.338.207.677						82.338.207.677	
5.8	Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.559.090.086						3.559.090.086	
5.9	UBND tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	22.090.000.000						22.090.000.000	
6	Đoàn kiểm toán NSDP tỉnh Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.002.596.100	1.717.688.128		0	5.663.994.972		1.620.913.000	
6.1	Công ty TNHH TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Ngọc Anh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	378.335.091	378.335.091						
6.2	Công ty TNHH MTV Hoàng Nhâm								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.007.590	8.007.590						
6.3	Công ty TNHH MTV Hồng Sơn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	740.612.702	740.612.702						
6.4	Công ty TNHH MTV Số 28								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	558.447.079	558.447.079						
6.5	HTX số 10 Thái Nam								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	32.285.666	32.285.666						
6.6	Ban QLDA các công trình dân dụng và công nghiệp								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	170.675.886				170.675.886			
6.7	Sở tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.883.468.000				2.883.468.000			
6.8	Ban QLDA phát triển KTXH huyện Mường Tè								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.609.851.086				2.609.851.086			
6.9	KBNN								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.620.913.000						1.620.913.000	
7	Đoàn kiểm toán NSDP tỉnh Lào Cai						0		
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	224.891.072.420	221.522.003.385		0	644.553.035	0	2.724.516.000	
7.1	Công ty TNHH MTV Tiên Minh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	116.700.000	116.700.000						
7.2	Công Ty Phát Triển Số 1 - Tnhh Itv Công Ty TNHH								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	14.271.796.800	14.271.796.800						
7.3	Công Ty TNHH Xây Dựng Lan Anh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	48.443.042.928	48.443.042.928						
7.4	Công Ty TNHH Thương Mại Hoàng Lan								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.385.040	4.385.040						
7.5	Công ty cổ phần khai khoáng Minh Đức								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	43.960.413.804	43.960.413.804						
7.6	Công Ty Cổ Phần Khai Thác Chế Biền Khoáng Sản Lào Cai.								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	56.236.845.600	56.236.845.600						
7.7	Công Ty TNHH Thủy Linh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	43.986.752.480	43.986.752.480						
7.8	Công Ty TNHH Ngọc Sơn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	12.282.363.204	12.282.363.204						
7.9	Công Ty CP Thương Mại Xây Dựng Hoàng Gia Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	931.441.560	931.441.560						
7.10	Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.288.261.969	1.288.261.969						
7.11	KBNN tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	680.594.000				396.078.000		284.516.000	
7.12	UBND huyện Si Ma Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	248.475.035				248.475.035			
7.13	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.440.000.000						2.440.000.000	
8	Đoàn kiểm toán NSDP tỉnh Yên Bái						0		
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.183.429.324	0		0	781.070.166		7.402.359.158	
8.1	BQL dự án ĐTXD huyện Văn Yên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	338.399.166				338.399.166			
8.2	BQL dự án ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	442.671.000				442.671.000			
8.3	Công ty cổ phần chè Minh Thịnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.500.000.000						2.500.000.000	
8.4	Công ty chè Yên Thành								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	691.826.158						691.826.158	
8.5	Công ty Chè đặc sản Nghĩa Lộ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	550.000.000						550.000.000	
8.6	Công ty Cổ phần xây lắp và SXCN								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	650.000.000						650.000.000	
8.7	Công ty Vật tư tổng hợp Cửu long Vinashin (VTNN)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.010.533.000						3.010.533.000	
V	Niên độ 2016								
1	Đoàn kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Việt Trì mới, dành riêng cho giao thông đường bộ, qua sông Lô, trên Quốc lộ 2 theo hình thức								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.887.337.632						21.887.337.632	
1.1	Nhà đầu tư: Liên danh Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Yên Khánh – Công ty cổ phần phát triển đầu tư Thái Sơn, Bộ Q.P, Công ty cổ phần BOT cầu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.887.337.632						21.887.337.632	
2	Đoàn kiểm toán công tác quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp y tế tại các cơ sở y tế công lập giai đoạn 2014-2016 của tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	91.932.906	0		0	91.932.906			
2.1	Trung tâm y tế huyện Cẩm Khê								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	91.932.906				91.932.906			
3	Đoàn kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách địa phương năm 2016 của thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	900.417.748	0		0	900.417.748		0	

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3.1	UBND Thành phố Việt Trì								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	900.417.748	0		0	900.417.748		0	
4	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Điện Biên năm 2016								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.645.817.330	0		0	1.385.669.235		3.260.148.095	
4.1	UBND huyện Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.055.216.983				1.055.216.983			
4.2	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	330.452.252				330.452.252			
4.3	Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.136.523.081						3.136.523.081,0	
4.4	UBND tỉnh Điện Biên (Điều chỉnh tăng chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	123.625.014						123.625.014,0	
5	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	824.700.000	0		0	0		824.700.000	
5.1	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	824.700.000						824.700.000	
6	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.213.929.465.785	0		8.736.000.000	4.439.760.399		1.200.753.705.386	
6.1	Bộ Tài chính							-	
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	122.529.500.000						122.529.500.000	
6.2	Ban QLDA xây dựng thị xã Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.439.760.400				4.439.760.400			
6.3	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	43.716.063.000			8.736.000.000			34.980.063.000	
6.4	Kho bạc nhà nước Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.352.142.386						10.352.142.386	
6.5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.032.892.000.000						1.032.892.000.000	
7	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Sơn La năm 2016								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.859.862.584	0		0	1.859.862.584		0	
7.1	Ban QLDA huyện Vân Hồ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.794.761.106				1.794.761.106			
7.2	Ban QLDA TP Sơn La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	65.101.478				65.101.478			
VI	Niên độ 2015								
1	Đoàn kiểm toán NSDP Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.609.045.808	139.020.106	197.779.500	0	1.272.246.202		0	
1.1	Chi cục thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam Đường: Doanh nghiệp Tư nhân Nhận Oanh (đã đổi tên thành Công ty TNHH MTV No 256)								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	139.020.106	139.020.106						
1.2	UBND huyện Tân Uyên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	120.835.000		120.835.000					
1.2	UBND huyện Phong Thổ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	76.944.500		76.944.500					
1.3	UBND huyện Mường Tè								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.272.246.202				1.272.246.202			
2	Đoàn kiểm toán NSDP Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	600.424.835	451.581.294	0	0	20.734.541	128.109.000	0	
2.1	Công ty TNHH PT Hùng Vương								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	451.581.294	451.581.294						
2.2	UBND huyện Đoan Hùng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	148.843.541				20.734.541	128.109.000		
3	Đoàn kiểm toán NSDP Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	238.364.600	0	0	238.364.600	0	0		
3.1	Văn phòng Sở Tài nguyên và môi trường								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	238.364.600			238.364.600				
4	Đoàn kiểm toán Việc hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	48.871.000.000				0		48.871.000.000	
4.1	UBND tỉnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	48.871.000.000						48.871.000.000	
5	Đoàn Chuyên đề việc hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 của Tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	486.000		486.000		0		0	
5.1	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	486.000		486.000				0	
VII	Niên độ 2014								
1	Đoàn kiểm toán Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư của Dự án xây dựng cầu Phố Lu và Dự án QL 4E đoạn Bắc Ngầm - Thành phố Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	455.896.938				455.896.938		0	
1.1	Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	455.896.938				455.896.938			
2	Đoàn kiểm toán NSDP Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.492.682.866	0	0	0	0	3.492.682.866		
2.1	Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.271.873.866					3.271.873.866		
2.2	UBND huyện Mường Nhé								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu-ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	220.809.000					220.809.000		
3	Đoàn kiểm toán NSDP Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	14.645.961.000	0	0	14.645.961.000	0		0	
3.1	UBND tỉnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	715.411.000			715.411.000				
3.2	Bộ tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	13.930.550.000			13.930.550.000				
4	Đoàn kiểm toán NSDP Tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.633.178.487	92.434.181	0	0	1.540.744.306		0	
4.1	Công ty CP xây dựng và TM Lê Nhật								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	92.434.181	92.434.181						
4.2	UBND huyện Tân Sơn								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	197.845.348				197.845.348			
4.3	UBND huyện Yên Lập								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.342.898.958				1.342.898.958			
VIII	Niên độ 2013								
1	Đoàn kiểm toán NSDP Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.161.779.762	0	0	0	0	1.161.779.762		
1.1	Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên (Thu hồi tạm ứng)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	586.047.341					586.047.341		
1.2	Kho bạc NN Mường Nhé (thu hồi tạm ứng)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	181.093.000					181.093.000		
1.3	Kho bạc NN huyện Điện Biên (thu hồi tạm ứng)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	394.639.421					394.639.421		
2	Đoàn kiểm toán NSDP Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.000.000.000		1.000.000.000	0	0	0		
2.1	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.000.000.000		1.000.000.000					
IX	Niên độ 2012								
1	Đoàn kiểm toán NSDP Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	16.506.900.425	0	1.041.826.500	4.890.844.100	212.229.825	10.362.000.000		
1.1	Sở tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	16.294.670.600		1.041.826.500	4.890.844.100		10.362.000.000		
1.2	UBND huyện Tam Đường								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	212.229.825				212.229.825			
2	Đoàn kiểm toán NSDP Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	412.977.563	0	-	0	412.977.563	0		
2.1	UBND huyện Hạ Hòa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	412.977.563				412.977.563			
X	Niên độ 2011								
1	Đoàn kiểm toán NSDP Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	370.716.375	0	-	0	21.643.375	349.073.000		
1.1	BQLDA huyện Tủa Chùa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.643.375				21.643.375			
1.2	Kho bạc Nhà nước tỉnh								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và ghi thu- ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	349.073.000					349.073.000		
2	Đoàn kiểm toán NSDP Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.780.259.958	0	64.100.000	0	0	7.716.159.958		
2.1	UBND huyện Mù Cang Chải								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	64.100.000		64.100.000					
2.2	Công ty CP chè Minh Thịnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.500.000.000					2.500.000.000		
2.3	Công ty CP chè Yên Thành								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	691.826.158					691.826.158		
2.4	Công ty CP xây lắp và SXCN								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	650.000.000					650.000.000		
2.5	Công ty Vật tư tổng hợp Cửu Long Vinashin (VTNN)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.010.533.000					3.010.533.000		
2.6	Sở NN&PTNT								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	863.800.800					863.800.800		
3	Đoàn kiểm toán chuyên đề 30A-167 tỉnh Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	40.224.231.583	0	-	0	39.830.073		40.184.401.510	
3.1	Huyện Phong Thổ								
	Số chưa thực hiện (6=4-5)							5.962.073.057	
3.2	Huyện Sìn Hồ								
	Số chưa thực hiện (6=4-5)					39.830.073		1.531.002.492	
3.3	Huyện Tân Uyên								
	Số chưa thực hiện (6=4-5)							5.627.000.000	
3.4	Huyện Than Uyên								
	Số chưa thực hiện (6=4-5)							2.735.175.561	
3.5	Huyện Mường Tè								
	Số chưa thực hiện (6=4-5)							24.329.150.400	
4	Đoàn kiểm toán chuyên đề 30A-167 tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	12.660.085.000			0	0	12.660.085.000		
4.1	UBND tỉnh Sơn La						48.679.700.000		
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0							
XI	Niên độ 2010								
1	Đoàn kiểm toán NSDP Lai Châu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	616.427.986	0	35.979.000	0	580.448.986	-		
1.1	Sở tài nguyên và môi trường								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	35.979.000		35.979.000					
1.2	Ban quản lý xây dựng công trình tỉnh Lai Châu					580.448.986			
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)					580.448.986			
2	Đoàn kiểm toán NSDP Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.908.679.865	0	0	0	0	25.908.679.865	-	
2.1	UBND tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.084.000.000					25.084.000.000		
2.2	Sở Tài chính tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	824.679.865					824.679.865		
XII	Niên độ 2009								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ động vay tạm ứng và ghi thu- ghi chi	Kiến nghị khác	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đoàn kiểm toán NSDP Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	38.305.000	0		0	38.305.000	0		
1.1	Trường Cao đẳng Nghề								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	38.305.000				38.305.000			

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẾN 31/12/2022

STT	Tên cơ quan tổ chức được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Thuyết minh nguyên nhân	Phân loại
1	2	3	4	5	6
I	Niên độ được kiểm toán năm 2020				
1	Bộ Xây dựng	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2020 của tỉnh Sơn La	Hướng dẫn đầy đủ, cụ thể khoản 22 Điều 3 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 về loại “công trình cung cấp năng lượng” thuộc nhóm công trình hạ tầng kỹ thuật là gồm những công trình nào, làm cơ sở thực hiện theo quy định.	Bộ xây dựng chưa có văn bản hướng dẫn	Do bên thứ 3: Bộ xây dựng
2	UBND tỉnh Sơn La	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2020 của tỉnh Sơn La	Sửa đổi Quyết định 1324/QĐ- UBND ngày 28/5/2014 quy định định mức nước tiêu thụ đối với các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để tính phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, xây dựng theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 7 Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ	UBND tỉnh Sơn La đề nghị KTNN kh vực VII xem xét, điều chỉnh giảm kiến nghị. KTNN khu vực VII đã báo cáo Tổng kiểm toán nhà nước cho điều chỉnh giảm kiến nghị do: Đến nay UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc bãi bỏ Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 28/5/2014. Mặt khác, năm 2017 địa phương cũng đã căn cứ theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước để ban hành Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 để thu tiền dịch vụ thoát nước, không thực hiện thu phí BVMT theo quy định tại Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.	Nguyên nhân khác
3	UBND tỉnh Sơn La	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2020 của tỉnh Sơn La	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành quy định cụ thể Phí bảo vệ môi trường đối với mức thu đối với khoáng sản tận thu theo đúng quy định tại Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.	Hiện nay, Bộ Tài chính đang dự thảo Tờ trình của Chính phủ, dự thảo Nghị định và các tài liệu trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế nghị định 164/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; trong đó, dự kiến sửa đổi quy định về khung mức phí, quy định định thu phí đối với khai thác tận thu khoáng sản, phương pháp tính phí ... (Bộ Tài chính đã có Công văn số 13623/BTC-CST ngày 30/11/2021 về việc xin ý kiến về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP gửi các Bộ, Ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương); sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế nghị định 164/2016/NĐ-CP, Sở Tài chính sẽ phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường và các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh, dự kiến trong quý II/2022 (Sở Tài chính đã có Công văn số 4991/STC-TCHCSN ngày 10/12/2021 báo cáo UBND tỉnh)	Nguyên nhân khác

4	UBND tỉnh Sơn La	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2020 của tỉnh Sơn La	Sửa đổi Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 về việc ban hành tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai để áp dụng thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sơn La (đối với khoáng sản đá xây dựng) theo quy định tại Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày 19/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 4806/STNMT-ĐĐ&ĐĐBĐ ngày 09/12/2021: Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện quy trình ban hành văn bản QPPL về Quyết định quy định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai thay thế Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh	Do đơn vị được kiểm toán
5	HĐND tỉnh Sơn La	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2020 của tỉnh Sơn La	Ban hành quy định cụ thể Phí bảo vệ môi trường đối với mức thu đối với khoáng sản tận thu tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.	Công văn số 4991/STC-TCHCSN ngày 10/12/2021 trình ban hành quyết định về phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản tận thu; Bộ tài chính đã có văn bản số 13623/BTC-CST ngày 30/11/2021 về việc xin ý kiến các Bộ, ngành và UBND các huyện, thành phố trực thuộc trung ương tham gia dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016	Nguyên nhân khác
6	UBND tỉnh Lào Cai	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2020 của tỉnh Lào Cai	Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh Lào Cai đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 89/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai và văn bản pháp luật khác có liên quan (không trích 30% tiền thuê đất vào Quỹ phát triển đất, do đã giao vào thu cân đối chi thường xuyên).	Đơn vị chưa thực hiện	Do đơn vị được kiểm toán
7	Bộ Tài chính	Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2020 của tỉnh Lào Cai	Đề nghị Bộ Tài chính sớm tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi hoặc thay thế Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 về ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất để phù hợp với Luật NSNN và các quy định hiện hành.		Nguyên nhân khác
8	UBND tỉnh Lào Cai	Chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020	Chỉnh sửa Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai để phù hợp với thực tiễn và các văn bản quy định hiện hành.	UBND tỉnh Lào Cai chưa chỉnh sửa Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 02/8/2017	Do đơn vị được kiểm toán
9	UBND tỉnh Phú Thọ	Báo cáo kiểm toán chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sửa đổi khoản 6, Điều 2 Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của BQL các khu công nghiệp Phú Thọ còn một số điểm chưa phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường 2014 và chưa phù hợp với Thông tư số 12/2020/TT-BKHĐT ngày 28/12/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Đơn vị chưa thực hiện	Do đơn vị được kiểm toán

10	UBND tỉnh Phú Thọ	Báo cáo kiểm toán chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sửa đổi Quy chế phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND về một số bất cập đã nêu trong BCKT như: Chưa đầy đủ, rõ ràng về trách nhiệm; quy chế về chia sẻ dữ liệu quan trắc tự động.	Đơn vị chưa thực hiện	Do đơn vị được kiểm toán
11	UBND tỉnh Phú Thọ	Báo cáo kiểm toán chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương theo quy định của pháp luật.	Đơn vị chưa thực hiện	Do đơn vị được kiểm toán
12	UBND tỉnh Phú Thọ	Báo cáo kiểm toán chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Ban hành văn bản hướng dẫn quy chế ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn Tỉnh	Đơn vị chưa thực hiện	Do đơn vị được kiểm toán
13	UBND thành phố Yên Bái	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc quản lý, quy hoạch và cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND thành phố Yên Bái cho phù hợp với QCVN số 01:2009 (Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 22/2019/TT-BXD kèm theo QCVN số 01:2009 thay thế QCVN số 01: 2008).	Đơn vị chưa thực hiện	Do đơn vị được kiểm toán
14	UBND tỉnh Yên Bái	Báo cáo kiểm toán chuyên đề việc quản lý, quy hoạch và cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị quy định (nay là “Quy chế quản lý kiến trúc” theo Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019)	Đơn vị chưa thực hiện	Do đơn vị được kiểm toán
II Niên độ được kiểm toán năm 2019					
1	UBND tỉnh Sơn La	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn la	Điều chỉnh, sửa đổi Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh Sơn La đối với nội dung quy định thưởng cho đơn vị thực hiện giải phóng mặt bằng kinh phí 0,2% chi phí bồi thường đất đai, tài sản trên đất không tính các khoản hỗ trợ do không đúng với quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.	UBND tỉnh Sơn La chưa thực hiện điều chỉnh, sửa đổi Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	Do đơn vị được kiểm toán

2	UBND tỉnh Sơn La	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn la	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai được ban hành kèm theo Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ.	UBND tỉnh Sơn La chưa thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai được ban hành kèm theo Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	Do đơn vị được kiểm toán
III Niên độ được kiểm toán năm 2018					
1	UBND tỉnh Phú Thọ	Báo cáo NSDP năm 2018 của tỉnh Phú Thọ	Sửa đổi, điều chỉnh nội dung quy định hỗ trợ tại điểm 6 mục 3 Điều 1 của Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ “Đối với đất nông nghiệp, đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được cấp có thẩm quyền công nhận là đất ở, ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ theo quy định còn được hỗ trợ thêm 20% giá đất ở của thửa đất bị thu hồi theo Bảng giá đất quy định của tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với 1m2 đất loại này không được cao hơn giá 1m2 đất ở cùng thửa đất (tính theo Bảng giá đất quy định của tỉnh) tại thời điểm tính toán. Trường hợp thửa đất chỉ có đất vườn, ngoài hỗ trợ theo quy định còn được hỗ trợ thêm 20% trung bình giá đất của các thửa đất ở liền kề với thửa đất vườn” cho phù hợp với quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 75, Luật Đất đai 2013.	Đơn vị chưa thực hiện	Do đơn vị được kiểm toán

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KTNV VỀ KIỂM ĐIỂM TRÁCH NHIỆM TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẾN 31/12/2022

STT	Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Thuyết minh nguyên nhân	Phân loại
1	2	3	4	5	6
I	Niên độ được kiểm toán năm 2020				
1	Cục Thuế tỉnh Phú Thọ	Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Phú Thọ	Kiểm điểm trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ trong việc quản lý thuế Bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Hải Linh	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
2	Sở TNMT, BQL các KCN và các đơn vị liên quan	BCKT Chuyên đề Hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	UBND tỉnh Phú Thọ chỉ đạo Sở TNMT, BQL các KCN và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến các tồn tại trong công tác quản lý BVMT như đã nêu tại kết quả kiểm toán: Việc ban hành một số văn bản chưa đảm bảo cơ sở pháp lý, bất cập trong quá trình triển khai, thực hiện; Chất lượng thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường còn một số tồn tại. Một số đơn vị chưa có đầy đủ hồ sơ về BVMT; Các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường các đơn vị chức năng chưa có biện pháp xử lý nghiêm, triệt để theo đúng quy định của pháp luật. Việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra chưa phù hợp. Việc đôn đốc, giám sát thực hiện và mở sổ theo dõi kết luận thanh tra, kiểm tra tại Sở TN&MT chưa thực hiện theo quy định. BQL các KCN chưa kịp thời phát hiện hành vi vi phạm về môi trường dẫn đến phản ánh, khiếu kiện của người dân; việc Sở TNMT thành lập Đoàn kiểm tra chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được quy định.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
3	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai	Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân trong việc chuyển thông tin địa chính chưa đảm bảo đầy đủ và kịp thời theo quy định đối với những thửa đất cho thuê hết thời gian ổn định đơn giá, hết thời gian ưu đãi miễn giảm phải xác định và xác định lại đơn giá thuê đất để cơ quan thuế xác định và phát hành thông báo đến các Tổ chức thuê đất thực hiện nghĩa vụ tài chính với NSNN.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
4	UBND tỉnh Điện Biên	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Điện Biên	UBND tỉnh chỉ đạo kiểm điểm và xem xét làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với tồn tại: Tính giảm 30% giá thuê đất đối với khu đất của Viễn thông Điện Biên - Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam thuê xây dựng trụ sở làm việc tại phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ không phù hợp với quy định.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
5	UBND tỉnh Điện Biên	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Điện Biên	UBND tỉnh chỉ đạo kiểm điểm và xem xét làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với tồn tại: Chậm ban hành đơn giá đất cụ thể, dẫn đến áp dụng giá đất cụ thể không kịp thời không đúng thời điểm đối với 08 thửa đất có giá trị lớn hơn 10 tỷ đồng.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
II	Niên độ được kiểm toán năm 2019				

1	Sở Tài nguyên và Môi trường	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn la	Kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc: (i) Chậm chuyển thông tin địa chính cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với các tổ chức đã được UBND tỉnh quyết định cho thuê đất; (ii) Thẩm định trình UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất và ký hợp đồng cho thuê đất đối với hồ sơ thuê đất chưa đủ điều kiện theo quy định (không thực hiện ký quỹ, không đảm bảo điều kiện về tài chính ...); (iii) Chưa lập kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2015, 2016, 2017, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư 36/2014/TT-BTNMT; (iv) Xây dựng giá đất để mời thầu, lựa chọn Nhà đầu tư đối với 05 dự án khu đô thị được kiểm toán và dự án khu đô thị để đối trừ dự án BT còn nhiều sai sót, không phù hợp với quy định tại Thông tư 36/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn la	Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc: (i) Thẩm định thẩm định trình phê duyệt chủ trương đầu tư cho áp dụng miễn tiền thuê đất toàn bộ thời hạn thuê đất của Công ty cổ phần Giống cây trồng Sơn La thực hiện Dự án Sản xuất nông nghiệp, vườn ươm giống cây trồng nông nghiệp, không đúng quy định điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ; (ii) Thẩm định hồ sơ cho các doanh nghiệp thuê đất thực hiện dự án nhưng không đảm bảo năng lực về tài chính, không thực hiện ký quỹ theo quy định.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
3	UBND thành phố Sơn La	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn la	Kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh để xác định giá khởi điểm bán đấu giá quyền sử dụng đất của 51 thửa đất chưa đúng quy định.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
4	UBND thành phố Sơn La	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn la	Chỉ đạo kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân thuộc UBND thành phố Sơn La trong việc đề nghị Công ty TNHH xây dựng Hoàng Phát (sau này là Nhà đầu tư trúng thầu) ứng trước tiền bồi thường, GPMB trước khi UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư Dự án tạo mặt bằng khu trung tâm hành chính và Quảng trường tỉnh Sơn La không đúng với quy định của Luật Đất đai, Luật Ngân sách nhà nước.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
5	UBND huyện Sốp Cộp	Kiểm toán chuyên đề Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tỉnh Sơn la	Kiểm điểm rút kinh nghiệm và chỉ đạo các đơn vị liên quan rút kinh nghiệm đối với các hạn chế, sai sót: (i) Thực hiện khảo sát, xây dựng và phê duyệt giá đất cụ thể trước khi ban hành Phương án đấu giá QSDĐ; (ii) Chưa thực hiện trình Sở Tài chính thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm và đề đấu giá QSDĐ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư 02/2015/TT-BTC; (iii) Lập Biên bản cuộc đấu giá không ghi đầy đủ diễn biến của cuộc đấu giá, không có thông tin giá trả của các khách hàng tham gia của từng vòng đấu giá làm căn cứ xác định người trúng đấu giá; (iv) Hồ sơ tổ chức bán đấu giá tài sản chưa lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết trong hồ sơ hoặc lập văn bản có xác nhận của UBND xã nơi có bất động sản bán đấu giá về việc đã niêm yết, thông báo công.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
6	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai	Báo cáo NSĐP năm 2019 tỉnh Lào Cai	Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và các cá nhân có liên quan trong việc chưa thực hiện đúng quy định khoản 3 Điều 4 Quyết định số 93/2016/QĐ-UBND dẫn đến chưa thực hiện thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán

7	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai	Báo cáo NSDP năm 2019 tỉnh Lào Cai	Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể và các cá nhân có liên quan trong việc chưa tham mưu kịp thời cho UBND Tỉnh ký hợp đồng thuê đất, lập phiếu chuyển thông tin cho cơ quan thuế đối với các đơn vị có hoạt động khai thác khoáng sản nhưng chưa được thuê đất, hết thời hạn thuê đất nhưng chưa làm các thủ tục gia hạn/thu hồi đất.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
8	UBND tỉnh Phú Thọ	Báo cáo NSDP năm 2019 tỉnh Phú Thọ	UBND tỉnh Phú Thọ thực hiện rà soát, xác định tập thể, các nhân liên quan và kiểm điểm trách nhiệm trong việc phát sinh nợ đọng XDCB mới năm 2019, chưa phù hợp với quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán
III	Niên độ được kiểm toán năm 2018				
1	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Yên Bái	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB năm 2018 của tỉnh Yên Bái	Kiểm điểm rút kinh nghiệm việc đề phát sinh nợ đọng XDCB 1.236trđ, chưa phù hợp theo quy định của Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Đơn vị chưa cung cấp hồ sơ liên quan đến thực hiện kiến nghị	Đơn vị được kiểm toán